

BIỂU CHI TIẾT

Tạm cấp kinh phí chi ngân sách địa phương năm 2025 (lần 3) cho Văn phòng Đảng ủy,
Ủy ban MTTQ phường, các phòng chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp
thuộc UBND phường Mường Lay

(Kèm theo số Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của UBND phường Mường Lay)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Mã quan hệ ngân sách	Chương	Khoản	Mã nguồn	Dự toán bổ sung	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (I) + (II) + (III) + (IV)					15,612,000,000	
I	CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP PHƯỜNG					6,328,000,000	
1	Văn phòng HĐND và UBND	1143921	830	341		1,080,000,000	
	Quản lý hành chính				13	1,000,000,000	
	Kinh phí đại hội Đảng bộ UBND phường				13	80,000,000	
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	1143920	832			200,000,000	
	Quản lý hành chính			341	13	200,000,000	
3	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	1143919	831			4,324,000,000	
	Kinh phí chi thực hiện tự chủ			341	13	155,000,000	
	Kinh phí sửa chữa Trung tâm hội nghị phường			341	12	2,700,000,000	
	Kinh phí sửa chữa Sân vận động			161	12	600,000,000	
	Kinh phí tiền điện sáng (Sự nghiệp thị chính)			312	12	65,000,000	
	Kinh phí sửa chữa hệ thống đèn đường			312	12	804,000,000	
4	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1143917	833	341	13	130,000,000	
5	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	1143918	821	161		594,000,000	
	Kinh phí chi thực hiện tự chủ				13	200,000,000	
	Kinh phí chi không thực hiện tự chủ (kinh phí chi ĐH Đảng bộ các cấp)				12	94,000,000	
	Kinh phí bổ sung mua sắm tài sản phục vụ mùa nước nổi năm 2025				12	300,000,000	
II	KHOİ ĐẢNG, ĐOÀN THỂ					1,517,000,000	
6	Văn phòng Đảng ủy	1143922	819	351		800,000,000	
	Kinh phí chi thực hiện tự chủ				13	750,000,000	
	Kinh phí chi không thực hiện tự chủ (kinh phí chi ĐH Đảng bộ các cơ quan)				13	50,000,000	
7	Trung tâm Chính trị (Sự nghiệp đào tạo)	1144205	819	083	13	50,000,000	
8	Ủy ban MTTQ phường Mường Lay	1143916	820	361	13	667,000,000	
	Quản lý hành chính			361	13	500,000,000	
	Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường nhiệm kỳ 2025-2030			361	12	167,000,000	
III	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC					7,767,000,000	
9	Trường Mầm non Nậm Cắn	1113250	822	071	13	397,000,000	
10	Trường Mầm non 19/5	1093995	822	071	13	340,000,000	
11	Trường Mầm non Bản Lé	1121083	822	071	13	450,000,000	
12	Trường Mầm non Đồi Cao	1093990	822	071	13	160,000,000	
13	Trường Mầm non Lay Nưa	1093994	822	071	13	340,000,000	
14	Trường Tiểu học Nậm Cắn	1093999	822	072	13	450,000,000	
15	Trường Tiểu học Lay Nưa	1093997	822	072	13	254,000,000	

Biểu số 1

16	Trường Tiểu học Bản Mo	1123981	822	072	13	576,000,000	
17	Trường THCS Lay Nưa	1093998	822	073	13	440,000,000	
18	Trường TH&THCS Đoàn Kết	1094000	822			500,000,000	
	Cấp THCS			073	13	250,000,000	
	Cấp Tiểu học			072	13	250,000,000	
19	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	1094001	822	073	13	410,000,000	
20	Trường THCS Sông Đà	1096676	822			445,000,000	
	Cấp Tiểu học			072	13	210,000,000	
	Cấp THCS			073	13	235,000,000	
21	Trường MN số 1 Sá Tổng	1085783	822	071	13	505,000,000	
22	Trường MN số 2 Sá Tổng	1121811	822	071	13	635,000,000	
23	Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng	1098657	822	072	13	575,000,000	
24	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Sá Tổng	1130221	822			1,290,000,000	
	Cấp Tiểu học			072	13	600,000,000	
	Cấp THCS			073	13	690,000,000	